

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2019
“V/v Tranh chấp Ly hôn, chia tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Việt Anh

Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thủy H, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh Lách, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cái Giêng, xã Đông Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Th, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh Lách, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2019, chị Dương Thủy H (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn ngày 24.9.2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, gia đình chồng khó khăn chị đi khám bệnh

nhưng gia đình chồng không cho và anh T không thương yêu, đánh đập chị nên đã sống ly thân từ ngày 22.4.2019 đến nay. Gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung trong ngày cưới gồm 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, đôi bông tai 8 phân 5 li vàng 18k, nhẫn hoa 9 phân 8 li vàng 18k và nhẫn cưới 01 chiếc trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k. Hiện chị đang quản lý toàn bộ tài sản trên. Chị yêu cầu nhận 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, đôi bông tai 08 phân 05 li vàng 18k, nhẫn 09 phân 08 li vàng 18k. Chị đồng ý trả lại cho anh T lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, nhẫn cưới 01 chiếc trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k và không đồng ý quy ra tiền. Một nhẫn cưới còn lại do anh T đang quản lý. Đối với yêu cầu của anh T trả con heo 120kg số tiền là 6.600.000 đồng, giúp nhà gái số tiền là 14.000.000 đồng thì chị không đồng ý.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ nên không yêu cầu giải quyết.

- *Tại các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Nhật T (Bị đơn) trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn ngày 24/9/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H hay cần nhen, anh không đánh đập chị H, anh có chở chị H đi khám bệnh nhưng bệnh không nghiêm trọng. Anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung trong ngày cưới gồm 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn hoa trọng lượng 01 chỉ 02 phân vàng 18k, đôi bông trọng lượng 08 phân 05 li vàng 18k và nhẫn cưới 01 chiếc trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k, con heo 120kg quy ra tiền là 6.600.000 đồng, giúp nhà gái là 14.000.000 đồng. Hiện nay toàn bộ tài sản này do chị H quản lý. Anh yêu cầu chị H và mẹ vợ là bà Th trả lại toàn bộ quy vàng ra thành tiền toàn bộ số tiền tổng cộng là 68.000.000 đồng. Anh yêu cầu tiếp tục quản lý chiếc nhẫn cưới còn lại trọng lượng 3 phân 5li vàng 18k.

Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa bà Lê Thị Th trình bày:

Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu của anh T yêu cầu bà và chị H trả lại 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, tâm lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn hoa trọng lượng 9 phân 8 li vàng 18k, đôi bông trọng lượng 08 phân 05 li vàng 18k và nhẫn cưới 01 chiếc trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k, heo 120 kg trị giá 6.600.000 đồng, tổng công quy bằng tiền trị giá là 68.000.000 đồng. Do số vàng cưới anh T cho chị H trong ngày cưới, bà không liên quan và không giữ số vàng anh T yêu cầu. Bà đồng ý theo ý kiến của chị H trả cho anh T 01 tâm lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, nhẫn cưới 01 chiếc trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị H và anh T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có địa chỉ cư trú tại ấp Cái giềng, xã Đông Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau, do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 24/9/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật. Nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị H có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị H đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết và hòa giải đúng theo quy định tại Điều 53, 54 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu được ly hôn với anh T; Anh T đồng ý ly hôn với chị H. Theo chị H và anh T trình bày giữa vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn nên đã sống ly thân từ ngày 22/4/2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị H và anh T là trầm trọng không thể hàn gắn, chị H và anh T thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị H và anh T.

Về con chung: Chị H và anh T thống nhất không có con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị H và anh T trình bày: Trong ngày cưới thì cha mẹ ruột của anh T cho vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, tấm lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k; 01 nhẫn hoa trọng lượng 09 phân 08 li vàng 18k, đôi bông trọng lượng 08 phân 05 li vàng 18k và 01 chiếc nhẫn cưới trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k. Toàn bộ số tài sản này hiện nay do chị Hằng đang quản lý, chị Hằng không đồng ý chia cho anh T. Đối với anh T yêu cầu chị Hằng phải chia $\frac{1}{2}$ số vàng nêu trên.

Xét thấy chị Hằng và anh T thừa nhận tài chung vợ chồng thì phải có trách nhiệm chia mỗi người $\frac{1}{2}$ số vàng nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Hằng và

anh T xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia đối với số vàng gồm: 01 nhẫn hoa trọng lượng 09 phân 08 li vàng 18k, đôi bông trọng lượng 08 phân 05 li vàng 18k và 01 chiếc nhẫn cưới trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k. Xét thấy việc rút yêu cầu về chia tài sản chung của chị Hằng và anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số vàng 10 chỉ vàng 24k gồm: 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, tám lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k là tài sản chung nên chị Hằng và anh T mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ số vàng nêu trên. Hiện nay chị Hằng đang quản lý số vàng này nên phải có trách nhiệm giao lại cho anh T 05 chỉ vàng 24k (tám lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k).

Đối với anh T xin rút lại yêu cầu chị H trả lại 01 con heo giúp đám nhà gái 120kg quy ra tiền là 6.600.000 đồng, tiền giúp nhà gái làm đám là 14.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 20.600.000 đồng. Xét việc rút yêu cầu của anh T là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh T không có yêu cầu gì đối với bà Th, đồng thời xét thấy bà Th không liên quan đến tài sản chung của chị H và anh T nên không đặt ra xem xét.

Về nợ thu, nợ trả: Chị H và anh T thống nhất không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về án phí:*

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm : Buộc chị H phải chịu số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Dương Thúy H và anh Nguyễn Nhật T.

Về tài sản chung: Chị Dương Thúy Hằng được tiếp tục quản lý 05 chỉ vàng 24k (01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 24k).

Buộc chị Dương Thúy Hằng phải có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Nhật T 05 chỉ vàng 24k (tâm lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k).

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Dương Thúy H và anh Nguyễn Nhật T gồm: 01 nhẫn hoa trọng lượng 09 phân 08 li vàng 18k, đôi bông trọng lượng 08 phân 05 li vàng 18k và 01 chiếc nhẫn cưới trọng lượng 02 phân 07 li vàng 18k.

Đình chỉ yêu cầu anh Nguyễn Nhật T đối với chị Dương Thúy Hằng số tiền là 20.600.000 đồng.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thúy H phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng.

Án phí dân sự có giá ngạch: Buộc chị Dương Thúy Hằng phải chịu 1.045.000 đồng. Đã qua chị Hằng có dự nộp tiền tạm ứng án phí là 884.000 đồng theo biên lai số 0004331 ngày 22/4/2019; 0004513 ngày 12/6/2019, được đối trừ chị H còn phải nộp số tiền 461.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Buộc anh Nguyễn Nhật T phải chịu số tiền 1.045.000 đồng, anh T đã nộp là 1.700.000 đồng theo biên lai thu số 0004531 ngày 24/6/2019, được đối trừ anh T được nhận lại số tiền 655.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Tính

